

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HC-ST

Ngày: 29/9/2017.

V/v khiếu kiện: “Quyết
định phê duyệt bồi thường,
hỗ trợ về đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TH**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Anh Thọ;
2. Ông Nguyễn Trọng Hùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng
Phương Lý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 9 và ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2016/HCST ngày 14/10/2016 về việc khởi kiện: “Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/HC-ST ngày 18/4/2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Thọ Khang, xã Đông Lĩnh, thành phố TH, tỉnh TH.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Quốc Tín - Văn phòng luật sư Lê Quốc Hiền - Đoàn Luật sư TH.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Địa chỉ: Đường Yên Ngựa, phường Đông Cương, thành phố TH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức Kính - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH (Công văn số 6887/UBND-THKH ngày 19/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TH phân công điều hành Ủy ban nhân dân thành phố TH).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T2 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TH (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) .

(Văn bản ủy quyền số 8420/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của ông Vũ Đức Kính - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố TH).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Nam Ngạn, thành phố TH.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Nam Ngạn, thành phố TH.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H2 - Công chức địa chính, Xây dựng phường Nam Ngạn, thành phố TH (có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Ngọc H3, 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: Trường phố Nam Sơn 1, phường Nam Ngạn, thành phố TH.

4.2. Bà Nguyễn Thị T3, 1952 (có mặt)

Địa chỉ: SN 02 đường Hải Triều, phường Trường Thi, thành phố TH.

4.3. Ông Nguyễn Ngọc S, 1956 (có mặt)

Địa chỉ: SN 14 Ngõ 131 Nam Sơn 1, phường Nam Ngạn, thành phố TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2017 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà T1 là chủ sử dụng diện tích đất 332m² tại SN 16/131 phố Nam Sơn 1, phường Nam Ngạn, thành phố TH, nguồn gốc đất là của mẹ bà (cụ Nguyễn Thị Tuyết chết năm 1990) để lại cho bà.

Thực hiện dự án xây dựng khu đô thị mới ven sông Hạc, Ủy ban nhân dân thành phố TH (sau đây viết tắt là UBND) ban hành Quyết định số 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với gia đình bà, nhưng chỉ bồi thường 125m² theo giá đất ở, còn lại 207m² bồi thường theo giá đất cây lâm nghiệp (được hỗ trợ 50% giá đất ở), tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ 678.733.000đ.

Theo bà T1, nguồn gốc đất của mẹ bà đã sử dụng ổn định trước năm 1980, đến năm 1984 mẹ bà làm di chúc cho bà đất đai, nhà cửa và hoa màu trên diện tích khoảng 300m². Từ khi nhận tặng cho đến nay bà sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thu hồi đất, UBND thành phố TH không xem xét nguồn gốc đất, không công khai hồ sơ địa chính mà chỉ áp cho gia đình bà hạn mức 125m² đất ở là không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Ngoài ra trong quá trình kiểm kê đất và tài sản, ngày 19/7/2016 UBND Phường Nam Ngạn đã tự ý lập Biên bản về việc phân chia thừa kế buộc bà ký chỉ nhận bồi thường 125m² đất ở, diện tích còn lại chỉ bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất vườn. Việc UBND Phường Nam Ngạn lập biên bản phân chia thừa kế là không đúng thẩm quyền và ép buộc bà phải ký là trái với ý nguyện của bà.

Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy quyết định số 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND thành phố TH về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với diện tích

332m² đất tại SN 16/131 Nam Sơn, phố Nam Sơn 1, phường Nam Ngạn, thành phố TH.

- Yêu cầu UBND thành phố TH thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 332m² đất nêu trên cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 20/9/2017, bà Nguyễn Thị T1 bổ sung yêu cầu khởi kiện:

Đề nghị Tòa án xem xét hủy luôn Quyết định thu hồi đất số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND thành phố TH đối với gia đình bà vì lý do: Toàn bộ diện tích 332m² của gia đình bà là đất ở, nhưng Quyết định thu hồi đất xác định chỉ có 125m² đất ở, còn lại 207m² đất vườn là không đúng.

Kèm theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy thừa kế tài sản do cụ Nguyễn Thị Tuyết lập năm 1984; bản sao Quyết định phê duyệt bồi thường 7310; Bản sao Biên bản kiểm kê – GPMB ngày 03/3/2011; Trích bản đồ + Sổ mục kê thửa đất số 133, bản đồ 299 phường Đông Thọ năm 1985; Trích bản đồ + Sổ mục kê thửa số 215 và thửa 216, bản đồ địa chính phường Nam Ngạn năm 1995.

**Tại văn bản ý kiến ngày 28/8/2017, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành Phố TH trình bày:*

Thực hiện dự án khu đô thị mới ven sông Hạc, UBND thành phố TH đã ban hành Quyết định số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 về việc thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị T1 tại địa chỉ 16/131 Nam Sơn, phường Nam Ngạn (sau đây viết tắt là Quyết định 6525) với diện tích 332,0m², thửa 216, tờ bản đồ 13, bản đồ địa chính phường Nam Ngạn năm 1994, trong đó: đất ở 125m², đất vườn, ao cùng thửa đất ở 207m². Căn cứ Quyết định thu hồi đất 6525, ngày 12/8/2016 UBND thành phố TH ban hành Quyết định số 7310/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB) cho 04 hộ dân phường Nam Ngạn, trong đó có hộ bà T1. Hồ sơ thu hồi đất của hộ bà T1 gồm có: Biên bản kiểm kê - GPMB; Biên bản hội nghị xác định nguồn gốc đất; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất; Đo đạc, chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính; Biên bản làm việc về việc thu hồi, xác định loại đất và diện tích được bồi thường; Trích bản đồ địa chính phường Nam Ngạn năm 1994. Trong đó tại Biên bản xác định nguồn gốc đất do Hội đồng tư vấn đất đai phường Nam Ngạn đã xác định: *“...nguồn gốc đất, vị trí do bà T1 sử dụng tại thửa 216, tờ bản đồ 13 mang tên ông Nguyễn Đình Từ, diện tích 332m² có nguồn gốc xây dựng nhà ổn định từ sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993...”*.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; căn cứ khoản 1 Điều 5 Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh TH về việc ban hành Quy định hạn mức giao đất ở có ghi: *“Trường hợp đất ở có vườn, ao hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004, người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013 về Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ mà trong giấy tờ*

đó không ghi rõ diện tích đất ở thì hạn mức công nhận đất ở được xác định với địa bàn phường là 125m²/hộ”.

Đối chiếu các quy định trên, UBND thành phố TH ban hành Quyết định 6525 thu hồi của gia đình bà T1 332m², trong đó đất ở: 125m²; đất vườn, ao cùng thửa đất ở: 207m². Căn cứ Quyết định thu hồi đất, UBND thành phố TH ban hành Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 là đúng pháp luật. Bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và yêu cầu UBND thành phố TH thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở.

** Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường Nam Ngạn trình bày:*

Trước năm 1993 khu vực đất của gia đình bà Nguyễn Thị T1 thuộc phường Đông Thọ, sau năm 1993 được sáp nhập về phường Nam Ngạn, thành phố TH. Đất của hộ bà T1 và đất của hộ ông S (em bà T1) đều có nguồn gốc của bố mẹ sử dụng trước năm 1980. Tại thời điểm thu hồi đất, UBND phường Nam Ngạn chỉ căn cứ hồ sơ địa chính năm 1993 để xác định đất của hộ bà T1 sử dụng ổn định từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 là chưa chính xác. UBND phường Nam Ngạn có đề nghị UBND thành phố TH phê duyệt bồi thường cho hộ bà T1 200m² đất ở (vì đất có nguồn gốc từ địa bàn xã Đông Thọ cũ). Sau đó giữa bà T1 và ông S có thỏa thuận bà T1 chỉ nhận bồi thường 125m² đất ở, còn lại 207m² là đất vườn. Nhưng sau đó bà T1 lại có đơn khiếu nại không đồng ý với Biên bản thỏa thuận ngày 10/7/2016 nữa. UBND phường Nam Ngạn đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho hộ bà T1 theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh TH đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành đối thoại nhiều lần, nhưng người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố TH vắng mặt, các bên không thống nhất được với nhau, do vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 giữ nguyên yêu cầu; Luật sư của bà T1 đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà T1; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh TH tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử,Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, tổ chức đối thoại, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành việc triệu tập và có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính (sau đây viết tắt là Luật TTHC).

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, hủy Quyết định thu hồi đất số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và hủy một phần Quyết định phê

duyet bồi thường số 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND thành phố TH; đề nghị UBND thành phố TH xác định lại nguồn gốc đất của gia đình bà T1 để có phương án áp giá bồi thường, hỗ trợ đúng quy định của pháp luật. Bà T1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng:

[1] Về đối tượng khởi kiện: Quyết định thu hồi đất số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND thành phố TH đối với hộ bà Nguyễn Thị T1 khi thực hiện Dự án: Khu đô thị mới ven Sông Hạc là Quyết định hành chính về đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh (khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật TTHC).

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện Quyết định phê duyệt bồi thường 7310 /QĐ-UBND ngày 12/8/2016 trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành Quyết định; đối với Quyết định thu hồi đất số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, tại phiên tòa ngày 20/9/2017 bà T1 mới có đơn khởi kiện bổ sung và cho rằng bà đã biết chủ trương thu hồi đất và được kiểm kê tài sản từ năm 2011, nhưng khi ra Tòa bà mới biết có Quyết định thu hồi đất 6525, do Quyết định 6525 xác định bà chỉ có 125m² đất ở, theo đó Quyết định 7310 cũng chỉ phê duyệt bồi thường cho gia đình bà 125m² đất ở nên bà yêu cầu hủy bỏ. UBND thành phố TH không có ý kiến về thời gian hộ bà T1 nhận được, biết được Quyết định thu hồi đất 6525, do đó thời hiệu khởi kiện vẫn còn (khoản 3 Điều 116 Luật TTHC). Mặt khác Quyết định thu hồi đất 6525 và Quyết định phê duyệt bồi thường 7310 có liên quan chặt chẽ với nhau nên cần được xem xét trong vụ án.

[4] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và Quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ số 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của UBND thành phố TH đối với hộ bà Nguyễn Thị T1 được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[5] Về căn cứ xác định diện tích được bồi thường theo giá đất ở của hộ bà Nguyễn Thị T1 thấy rằng: Nguồn gốc đất của hộ bà T1 tại thửa 216 và đất của hộ ông Nguyễn Ngọc S (em bà T1) tại thửa 215, tờ bản đồ 13, bản đồ địa chính phường Nam Ngạn năm 1995 đều là đất của cụ Nguyễn Ngọc Chấn và cụ Nguyễn Thị Tuyết để lại cho các con, đất có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/12/1980. Theo bản đồ 299 là thửa số 133, tờ bản đồ 04, diện tích 680m², loại đất thổ cư mang tên Tiếp, Trán. Tuy nhiên, tại Biên bản hội nghị xác định nguồn gốc đất do UBND phường Nam Ngạn lập ngày 24/6/2016 hộ ông S được xác định là: “*đất thổ cư có nguồn gốc đất ở trước ngày 18/12/1980*”, nhưng hộ bà T1 lại xác định là: “*xây nhà ổn định sau ngày 18/12/1980 trước ngày 15/10/1993*” là không phù hợp (BL93,94). Theo lời khai bà Nguyễn Thị T3 (chị ruột bà T1): “*Khoảng năm 1984 sau khi bố chết, mẹ bà là Nguyễn Thị Tuyết có cho vợ chồng bà T1 300m² đất, trên đất có ba gian nhà cũ của bố mẹ làm từ năm 1958 cùng với vườn tược, diện tích đất còn lại và ngôi nhà mới thì cho ông S. Thực tế vợ chồng bà*

T1 đã đi về ăn ở với mẹ từ năm 1980. Vợ chồng bà T1 đã sửa chữa ngôi nhà cũ được bố mẹ cho và ở ổn định từ năm 1980 không tranh chấp, cho đến năm 2016 bị Ban Giải phóng mặt bằng tháo dỡ. Các anh chị em trong gia đình không ai tranh chấp việc bố mẹ đã cho đất ông S, bà T1”. Ông Nguyễn Ngọc S cũng xác nhận nội dung trên, giữa ông và bà T1 hiện nay không tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết việc khiếu kiện của bà T1 với Ủy ban theo pháp luật. Lời khai của bà T3 và ông S phù hợp với “Giấy thừa kế tài sản” do cụ Nguyễn Thị Tuyết lập ngày 8-2 năm Ất Sửu (1984): “...Cho vợ chồng con gái tôi là Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Đình Từ là con rể được thừa kế nhà cửa và cây cối hoa màu trên mảnh đất mà ông bà tôi sử dụng riêng từ lâu đến nay gồm 300m.²” (BL12), phù hợp với lời khai ông Nguyễn Văn H3 (Trưởng phố Nam Sơn 1): “Bà T1 sử dụng đất của bố mẹ để lại trước năm 1980 không lấn chiếm, không tranh chấp”.

Tại khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.

Trường hợp trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 100 của Luật này chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất được xác định bằng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này”.

Tại văn bản ý kiến của UBND thành phố TH căn cứ Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh TH để ấn định hạn mức công nhận đất ở đối với hộ bà T1 125m² là chưa phù hợp, vì tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định 4463 chỉ quy định đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12 /1980 đến trước ngày 01/7/2004. Đối với hộ bà T1 có nguồn gốc đất ở hình thành trước năm 18/12/1980, trên đất có nhà ở được xây dựng từ năm 1958, khi thu hồi đất có diện tích hiện trạng 332m² phải được bồi thường toàn bộ là đất ở theo Luật đất đai năm 2013 mới đúng. Nhưng tại Quyết định thu hồi đất 6525 và Quyết định phê duyệt bồi thường 7310 của UBND thành phố TH đều xác định diện tích được thu hồi và bồi thường là đất ở đối với hộ bà T1 là 125m², còn lại 207m² là đất vườn là chưa đúng.

[6] Tại “Biên bản làm việc phân chia di sản thừa kế” do UBND phường Nam Ngạn lập ngày 19/7/2016, bà Nguyễn Thị T1 đồng ý nhận bồi thường 125m² đất ở và 207m² đất vườn trong tổng số nguồn gốc đất ở của bố mẹ (BL121,122). Nhưng trong biên bản này không có sự tham gia của ông Nguyễn Đình Từ (chồng bà T1) là người được cụ Nguyễn Thị Tuyết cho chung nhà đất, bà T1 và ông Từ đã có đơn khiếu nại gửi Thanh tra Thành phố TH, do đó biên bản này không có giá trị pháp lý.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, quan điểm của Luật sư và đề nghị của Kiểm sát viên: Hủy Quyết định thu hồi đất số 6525 và hủy một phần Quyết định phê duyệt bồi thường số 7310 của UBND thành phố TH đối với hộ bà T1, buộc UBND thành phố TH ban hành

Quyết định thu hồi và thực hiện việc phê duyệt, bồi thường lại về đất cho hộ bà T1 theo quy định của Luật đất đai.

Về án phí: Đơn khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải nộp án phí, người bị kiện phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 55; khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 103 luật Đất đai 2013; khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1:

-Hủy Quyết định số 6525/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc thu hồi đất do hộ bà Nguyễn Thị T1 đang sử dụng tại địa chỉ 16/131 Nam Sơn, phường Nam Ngạn, thành phố TH để tổ chức bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án: Khu đô thị mới ven sông Hạc, thành phố TH;

- Hủy một phần Quyết định số 7310/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố TH về việc phê duyệt phương án (phần dự toán bồi thường, hỗ trợ - GPMB) Dự án: Khu đô thị mới ven Sông Hạc, thành phố TH đối với hộ bà Nguyễn Thị T1 trong danh sách kèm theo.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố TH ban hành Quyết định thu hồi đất và thực hiện việc phê duyệt bồi thường lại về đất cho hộ bà Nguyễn Thị T1 theo quy định của Luật Đất đai.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 345; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố TH nộp 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho bà T1 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 000353 ngày 26/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TH.

Án xử công khai, sơ thẩm, người khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Hóa;
- Cục THADS tỉnh T.Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh